

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM
QUANG TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

NỘI DUNG	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung được thành lập theo quyết định số 26/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300591882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010 (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gốc số 4106000274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006) và thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 08 năm 2025.

Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Trần Hữu Dũng

Ông Huỳnh Văn Hùng

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành viên, không chuyên trách

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hữu Dũng

Ông Vũ Quang

Bà Phạm Thị Kim Phượng

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Hữu Dũng

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty của năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 24, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Giám đốc



TRẦN HỮU DŨNG

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung ("Công ty") được lập ngày 09 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý người đọc đến các vấn đề như sau:
Theo thuyết minh số V.16a, số liệu trích lập các quỹ, lợi nhuận chuyển về Công ty mẹ tối hậu (đồng thời ảnh hưởng đến khoản mục phải trả khác trên Báo cáo tài chính); và quỹ lương thực hiện là số ước tính dựa trên kết quả kinh doanh hiện tại của Công ty. Số liệu cuối cùng có thể thay đổi khi có quyết định chính thức từ Công ty mẹ tối hậu.

Vấn đề khác

Công ty có sở hữu một công ty con. Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty, không phải là báo cáo tài chính hợp nhất các thông tin tài chính của Công ty và Công ty con.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC



[Handwritten signature]

LÊ QUỐC HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

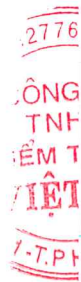
GCNĐKHNKT số: 0209-2023-160-1

[Handwritten signature]

LÊ TRƯƠNG CƯỜNG

Kiểm toán viên

GCNĐKHNKT số: 4140-2024-160-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.923.227.425	223.540.817.744
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	94.036.870.202	125.446.665.569
Tiền	111		22.036.870.202	32.446.665.569
Các khoản tương đương tiền	112		72.000.000.000	93.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.800.030.893	82.246.131.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	77.640.963.065	80.764.353.633
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	24.401.606.209	623.124.001
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	801.070.019	902.262.125
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03	(43.608.400)	(43.608.400)
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.086.326.330	15.848.020.816
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	16.086.326.330	15.743.201.735
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	104.819.081
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.797.266.816	345.124.273.231
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.005.000.000	1.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	1.005.000.000	1.000.000.000
Tài sản cố định	220		203.709.612.780	229.343.391.201
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	200.477.048.711	223.926.043.907
<i>Nguyên giá</i>	222		669.188.118.675	659.556.874.681
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(468.711.069.964)	(435.630.830.774)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	1.942.008.194
<i>Nguyên giá</i>	225		-	6.313.636.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(4.371.628.170)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.232.564.069	3.475.339.100
<i>Nguyên giá</i>	228		24.218.109.929	22.615.730.612
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.985.545.860)	(19.140.391.512)
Bất động sản đầu tư	230	V.08	18.914.095.571	20.220.414.851
<i>Nguyên giá</i>	231		51.183.306.458	51.183.306.458
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(32.269.210.887)	(30.962.891.607)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	81.061.156.948	80.828.886.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		81.061.156.948	80.828.886.752
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	535.000.000	535.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		85.000.000	85.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		450.000.000	450.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.572.401.517	13.196.580.427
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	11.572.401.517	13.196.580.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		529.720.494.241	568.665.090.975

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		253.185.992.860	295.581.678.838
Nợ ngắn hạn	310		147.467.125.679	197.627.350.693
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	34.157.465.263	74.797.799.399
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.225.148.045	290.169.626
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	8.764.594.937	9.496.438.134
Phải trả người lao động	314		12.055.641.765	29.222.897.717
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	3.765.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		433.114.298	266.263.333
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	52.262.677.526	36.575.121.099
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	18.720.190.242	21.539.533.500
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.848.293.603	25.435.362.885
Nợ dài hạn	330		105.718.867.181	97.954.328.145
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	16.450.647.996	15.927.146.837
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	75.706.266.284	64.802.112.637
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.16c	13.561.952.901	17.225.068.671
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.534.501.381	273.083.412.137
Vốn chủ sở hữu	410	V.16a	231.590.654.779	228.139.565.535
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.779.000.000	154.779.000.000
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		76.811.654.779	73.360.565.535
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		44.943.846.602	44.943.846.602
Nguồn kinh phí	431	V.17	44.943.846.602	44.943.846.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		529.720.494.241	568.665.090.975

Ngày 09 tháng 03 năm 2026


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**TRẦN HỮU DŨNG**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	378.077.336.987	447.664.491.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		378.077.336.987	447.664.491.631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	309.288.477.697	348.224.561.034
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		68.788.859.290	99.439.930.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.388.937.050	2.272.504.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.736.413.279	8.051.108.182
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.736.413.279	8.051.108.182
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	3.198.136.945	4.203.225.753
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	20.410.741.584	30.619.778.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		40.832.504.532	58.838.322.565
11. Thu nhập khác	31	VI.6	586.002.973	370.716.367
12. Chi phí khác	32		9.365.644	727.544
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		576.637.329	369.988.823
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.409.141.861	59.208.311.388
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	8.284.548.020	11.841.474.155
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.124.593.841	47.366.837.233

Ngày 09 tháng 03 năm 2026


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**TRẦN HỮU DŨNG**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Mẫu số B03-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		414.808.236.326	465.701.542.776
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(331.572.405.192)	(298.012.531.637)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(49.120.971.099)	(45.069.071.843)
- Tiền lãi vay đã trả	04		(6.736.413.279)	(8.051.108.182)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(9.495.088.069)	(11.867.190.648)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.774.008.181	23.590.536.311
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(64.354.510.190)	(62.770.995.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.697.143.322)	63.521.181.298
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.164.584.416)	(23.887.881.318)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	28.954.545
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.299.354.575	2.082.831.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.865.229.841)	(21.776.094.897)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		29.624.343.889	-
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.539.533.500)	(23.146.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(20.008.145.688)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.084.810.389	(43.154.145.688)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(31.477.562.774)	(1.409.059.287)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		125.446.665.569	126.666.056.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		67.767.407	189.668.157
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		94.036.870.202	125.446.665.569

Ngày 09 tháng 03 năm 2026



ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG
Người lập biểu



ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN HỮU DŨNG
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung được thành lập theo quyết định số 26/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300591882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010 (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gốc số 4106000274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006) và thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 08 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên với 100% vốn nhà nước

Chủ sở hữu: Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên

GCNDKDN: 0300713668

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký: 154.779.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại thời điểm 31 tháng 12	2025	2024
Số lượng nhân viên tại trụ sở:	152	144
Số lượng nhân viên tại chi nhánh:	6	6

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Bất động sản**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức khai thác hạ tầng kỹ thuật viễn thông, nhà hàng phục vụ ăn uống, mua bán và nước sinh hoạt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP viễn thông). Dịch vụ truy nhập internet (ISP).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Cấu trúc doanh nghiệp****a. Danh sách các chi nhánh công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:**

Tên chi nhánh: Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh: 0300591882-002
Địa chỉ: 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chế độ kế toán: Hạch toán phụ thuộc

b. Danh sách các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Ươm tạo Doanh Nghiệp Phần mềm Quang Trung	Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	85,00%	85,00%	85,00%

c. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	20 Đường Số 11, KDC Him Lam 6A, Xã Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%	30,00%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 200 do Bộ Tài chính ban hành.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau:

+ Các khoản tiền, nợ phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, thường xuyên giao dịch trong năm tài chính.

+ Các khoản nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, thường xuyên giao dịch trong năm tài chính.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/12/2024	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	25.251 VND/USD	Không áp dụng
31/12/2025	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	26.077 VND/USD	Không áp dụng

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế.

Đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

- Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động;
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể mà không kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động;
- Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc, không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.
- Các khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của hội đồng quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông), hội đồng thành viên của công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

4. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.

b. Khấu hao.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 50 năm |
| - Máy móc thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 10 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. Bất động sản đầu tư

a. Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý.

b. Khấu hao.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Bất động sản khác 05 - 35 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi tiêu thực tế đã phát sinh và mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ như sau:

a. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

b. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí hoạt động đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng chưa được thanh toán. Các chi phí này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, hoặc doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b. Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

c. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

d. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

15. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	732.091.000	862.327.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.304.779.202	31.584.338.541
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND</i>	<i>17.934.398.454</i>	<i>28.281.091.600</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - Ngoại tệ</i>	<i>3.370.380.748</i>	<i>3.303.246.941</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	72.000.000.000	93.000.000.000
Tổng cộng	94.036.870.202	125.446.665.569

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 - 3 tháng.

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau	5.661.995.889	-
Trung tâm Chuyển đổi số TP. Hồ Chí Minh	38.460.278.848	44.307.288.770
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT	3.624.903.922	7.245.475.674
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Nền Tảng Số	3.535.530.000	11.126.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	26.358.254.406	18.085.589.189
Tổng cộng	77.640.963.065	80.764.353.633

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	-	77.000.000
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung	-	97.638
Tổng cộng	-	77.097.638

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ Phần Phát Triển Công Nghệ Thông Tin Đạt Thịnh	43.608.400	-	43.608.400	43.608.400	-	43.608.400
Tổng cộng	43.608.400	-	43.608.400	43.608.400	-	43.608.400

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	16.225.580.940	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT	1.873.886.972	-
Trả trước cho người bán khác	6.302.138.297	623.124.001
Tổng cộng	24.401.606.209	623.124.001

5. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	-	-	2.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	409.096.400	-	545.860.230	-
Phải thu BHXH	42.755.759	-	38.055.759	-
Phải thu khác	349.217.860	-	316.346.136	-
Tổng cộng	801.070.019	-	902.262.125	-
b. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.005.000.000	-	1.000.000.000	-
Tổng cộng	1.005.000.000	-	1.000.000.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	298.200.950.058	320.613.633.415	40.040.469.653	701.821.555	-	659.556.874.681
- Mua trong năm	-	1.523.218.000	-	-	-	1.523.218.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.794.389.630	-	-	-	1.794.389.630
- Tặng khác	-	6.313.636.364	-	-	-	6.313.636.364
Số dư cuối năm	298.200.950.058	330.244.877.409	40.040.469.653	701.821.555	-	669.188.118.675
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	117.757.873.040	288.858.512.154	28.312.624.025	701.821.555	-	435.630.830.774
- Khấu hao trong năm	8.404.993.476	16.657.711.541	3.645.906.003	-	-	28.708.611.020
- Tặng khác	-	4.371.628.170	-	-	-	4.371.628.170
Số dư cuối năm	126.162.866.516	309.887.851.865	31.958.530.028	701.821.555	-	468.711.069.964
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	180.443.077.018	31.755.121.261	11.727.845.628	-	-	223.926.043.907
- Tại ngày cuối năm	172.038.083.542	20.357.025.544	8.081.939.625	-	-	200.477.048.711

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình được ngân sách nhà nước cấp trích chi phí khấu hao chỉ theo dõi hao mòn:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 15.944.667.975 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.457.507.752 VND

334.599.824.778 VND

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày đầu năm	22.615.730.612	22.615.730.612
- Hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	1.602.379.317	1.602.379.317
Số dư tại ngày cuối năm	24.218.109.929	24.218.109.929
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày đầu năm	19.140.391.512	19.140.391.512
- Khấu hao trong năm	1.845.154.348	1.845.154.348
Số dư tại ngày cuối năm	20.985.545.860	20.985.545.860
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	3.475.339.100	3.475.339.100
- Tại ngày cuối năm	3.232.564.069	3.232.564.069

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
	Nguyên giá			
Nhà và quyền sử dụng đất	51.183.306.458	-	-	51.183.306.458
Tổng cộng	51.183.306.458	-	-	51.183.306.458
Khấu hao lũy kế				
Nhà và quyền sử dụng đất	30.962.891.607	1.306.319.280	-	32.269.210.887
Tổng cộng	30.962.891.607	1.306.319.280	-	32.269.210.887
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	20.220.414.851	-	-	18.914.095.571
Tổng cộng	20.220.414.851	-	-	18.914.095.571

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 18.914.095.571

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	81.061.156.948	80.828.886.752
<i>Hoàn thiện hạ tầng Công viên phần mềm Quang Trung 2016</i>	<i>76.677.400.605</i>	<i>76.677.400.605</i>
<i>Mở rộng Công viên phần mềm Quang Trung - Củ Chi</i>	<i>591.931.867</i>	<i>591.931.867</i>
<i>Hệ thống Trung tâm dữ liệu dự phòng cho QTSC</i>	<i>813.692.809</i>	<i>681.612.416</i>
<i>Tòa nhà Văn phòng làm việc và Trung tâm dữ liệu QTSC</i>	<i>2.041.338.145</i>	<i>2.041.338.145</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>936.793.522</i>	<i>836.603.719</i>
Tổng cộng	81.061.156.948	80.828.886.752

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Số tiền	Giá hợp lý
Đầu tư vào công ty con (*)	85.000.000	(***)	85.000.000	(***)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (**)	450.000.000	(***)	450.000.000	(***)
Tổng cộng	535.000.000	-	535.000.000	-

(*) Công TNHH Ươm Tạo Doanh Nghiệp Phần Mềm Quang Trung (SBI). Tỷ lệ góp vốn 85% vốn điều lệ.

(**) Công ty CP dịch vụ thương mại Phần mềm Quang Trung. Tỷ lệ góp vốn 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm phát hành báo cáo này chưa xác định được kết quả kinh doanh năm 2025.

(***) Tại ngày báo cáo, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

11. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua phần mềm và bản quyền phần mềm	11.620.394.569	11.307.050.872
Công cụ dụng cụ và thiết bị	2.486.833.713	803.811.912
Các khoản khác	1.979.098.048	3.632.338.951
Tổng cộng	16.086.326.330	15.743.201.735

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê bản quyền, thiết bị	3.659.032.559	4.619.293.135
Công cụ dụng cụ và thiết bị	1.243.862.122	853.012.829
Các khoản khác	6.669.506.836	7.724.274.463
Tổng cộng	11.572.401.517	13.196.580.427

12. Phải trả người bán**Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT	-	18.992.479.600
Công ty Cổ phần Công Nghệ DTG	11.059.608.551	11.847.170.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Công Nghệ Viễn Thông Tin Học Sun Việt	465.737.250	3.773.694.100
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solutions (Việt Nam)	5.077.890.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	17.554.229.462	40.184.455.699
Tổng cộng	34.157.465.263	74.797.799.399

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp				
Thuế GTGT	2.279.754.087	15.665.579.986	14.727.896.189	3.217.437.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.357.562.224	8.284.548.020	9.495.088.069	5.147.022.175
Thuế thu nhập cá nhân	853.738.923	4.542.049.344	4.997.519.989	398.268.278
Thuế tài nguyên	5.382.900	39.254.400	42.770.700	1.866.600
Thuế nhà đất	-	36.683.918	36.683.918	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	512.823.068	512.823.068	-
Tổng cộng	9.496.438.134	29.080.938.736	29.812.781.933	8.764.594.937
b. Phải thu				
Tiền thuế đất	104.819.081	3.903.987.573	3.799.168.492	-
Tổng cộng	104.819.081	3.903.987.573	3.799.168.492	-

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh VI.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Phải trả về xây dựng cơ bản	1.958.267.455	1.958.267.455
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	33.413.107.587	20.082.053.652
Quỹ ĐTPT chưa sử dụng phải nộp về Chủ sở hữu	16.562.296.921	14.200.724.749
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329.005.563	334.075.243
Tổng cộng	52.262.677.526	36.575.121.099
Trong đó, phải trả ngắn hạn với bên liên quan:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	49.975.404.508	34.282.778.401
Tổng cộng	49.975.404.508	34.282.778.401
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.450.647.996	15.927.146.837
Công ty TNHH Hitachi Vantara Việt Nam	2.259.294.000	2.203.759.500
Công ty TNHH Vietnam Concentrix Services	2.650.676.010	2.650.676.010
Các đối tượng khác	11.540.677.986	11.072.711.327
Tổng cộng	16.450.647.996	15.927.146.837

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

Vay dài hạn đến hạn trả	Loại tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Bình	VND	9.348.000.000	9.348.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	VND	9.372.190.242	12.191.533.500
Tổng cộng		18.720.190.242	21.539.533.500

b. Dài hạn

	Loại tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Bình (*)	VND	39.754.455.895	49.102.455.895
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (**)	VND	35.951.810.389	15.699.656.742
Tổng cộng		75.706.266.284	64.802.112.637

(*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 242/TBN-KDN/15TH ngày 22 tháng 09 năm 2015. Thời hạn vay là 180 tháng với lãi suất định kỳ theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà điều hành và sản xuất phần mềm Khu Công viên Phần mềm Quang Trung (QTSC Building)" với trị giá tạm tính là 186.073.000.000 VND.

(**) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương theo Hợp đồng tín dụng số 29/2020/HĐTNTL-PN ngày 20 tháng 10 năm 2020, Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HĐTNTL-PN ngày 05 tháng 01 năm 2022, Hợp đồng tín dụng số 05/2023/HĐTNTL-PN ngày 28 tháng 02 năm 2023, Hợp đồng tín dụng số 06/2025/HĐTNTL-PN và Hợp đồng tín dụng số 07/2025/HĐTNTL-PN ngày 10 tháng 04 năm 2025. Thời hạn vay từ 68 tháng đến 71 tháng. Lãi suất vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay. Tài sản thế chấp là các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của công ty, liệt kê rõ trong từng hợp đồng vay.

76
37
1H
02
Ú
CH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	154.779.000.000	-	72.892.405.605	-	227.671.405.605
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	468.159.930	-	468.159.930
- Lãi trong năm trước	-	47.366.837.233	-	-	47.366.837.233
- Trích lập các quỹ	-	(27.263.021.933)	-	-	(27.263.021.933)
- Phân phối lợi nhuận	-	(20.103.815.300)	-	-	(20.103.815.300)
Số dư đầu năm nay	154.779.000.000	-	73.360.565.535	-	228.139.565.535
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	3.451.089.244	-	3.451.089.244
- Lãi trong năm nay	-	33.124.593.841	-	-	33.124.593.841
- Trích lập các quỹ	-	(19.794.223.906)	-	-	(19.794.223.906)
- Phân phối lợi nhuận	-	(13.330.369.935)	-	-	(13.330.369.935)
Số dư cuối năm nay	154.779.000.000	-	76.811.654.779	-	231.590.654.779

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	154.779.000.000	154.779.000.000
+ Vốn góp cuối năm	154.779.000.000	154.779.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã nộp cho Công ty mẹ	-	20.008.145.688

c. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
+ Số dư đầu năm	17.225.068.671	16.602.002.851
+ Trích quỹ trong năm/ Quỹ hình thành tài sản cố định	1.602.379.317	4.739.665.000
+ Hoàn nhập trong năm	16.250.000	-
+ Sử dụng quỹ trong năm	(5.281.745.087)	(4.116.599.180)
+ Số dư cuối năm	13.561.952.901	17.225.068.671

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí đầu năm	44.943.846.602	44.943.846.602
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	44.943.846.602	44.943.846.602

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	378.077.336.987	447.664.491.631
Tổng cộng	378.077.336.987	447.664.491.631

Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan*(Chi tiết tại mục VII. Thuyết minh các bên liên quan)*

597.983.602 719.547.380

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	309.288.477.697	348.224.561.034
Tổng cộng	309.288.477.697	348.224.561.034

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.321.164.301	2.082.831.876
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	67.767.407	189.668.157
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.342	4.541
Tổng cộng	2.388.937.050	2.272.504.574

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	6.736.413.279	8.051.108.182
Tổng cộng	6.736.413.279	8.051.108.182

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Năm nay	Năm trước
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.340.270.675	2.772.700.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.242.102	1.413.686.827
Chi phí bằng tiền khác	36.624.168	16.838.028
Tổng cộng	3.198.136.945	4.203.225.753
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	15.021.938.164	17.623.903.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	141.058.452	152.773.932
Thuế, phí và lệ phí	27.934.541	143.624.514
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ và dự phòng	-	3.950.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.931.371.342	8.155.971.255
Chi phí bằng tiền khác	288.439.085	593.505.495
Tổng cộng	20.410.741.584	30.619.778.671
6. Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	28.954.545
Tiền phạt thu được	440.066.261	327.563.042
Các khoản khác	145.936.712	14.198.780
Tổng cộng	586.002.973	370.716.367
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.		
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	41.409.141.861	59.208.311.388
Các khoản làm tăng thu nhập chịu thuế	81.365.644	188.727.544
Các khoản chi phí không được trừ	81.365.644	188.727.544
Các khoản làm giảm thu nhập chịu thuế	67.767.407	189.668.157
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.767.407	189.668.157
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	41.422.740.098	59.207.370.775
Thuế suất thuế TNDN áp dụng trong kỳ	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	8.284.548.020	11.841.474.155
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	6.357.562.224	6.383.278.717
Thuế TNDN phải trả khác	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(9.495.088.069)	(11.867.190.648)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	5.147.022.175	6.357.562.224

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.161.202.643	83.060.796.248
Chi phí nhân công	44.073.433.768	60.439.997.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.065.471.751	39.796.577.857
Thuế, phí và lệ phí	27.934.541	143.624.514
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ và dự phòng	-	3.950.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.174.217.166	194.488.977.844
Chi phí bằng tiền khác	395.096.357	1.167.591.336
Tổng cộng	332.897.356.226	383.047.565.458

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2025 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các mối liên hệ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	Công ty mẹ tối hậu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ươm tạo Doanh nghiệp Phần mềm Quang Trung	Công ty con

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	531.600.000	422.843.000
Công ty TNHH Ươm tạo Doanh nghiệp Phần mềm Quang Trung	-	234.406.220
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	66.383.602	62.298.160
Tổng cộng	597.983.602	719.547.380

ii) Lợi nhuận còn lại phải chuyển về Công ty mẹ tối hậu

	Năm nay	Năm trước
Năm nay	13.330.369.935	-
Năm trước	20.082.737.652	20.082.053.652
Tổng cộng	33.413.107.587	20.082.053.652

iii) Lợi nhuận còn lại đã chuyển về Công ty mẹ tối hậu

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ tối hậu	-	20.008.145.688
Tổng cộng	-	20.008.145.688

iv) Quỹ đầu tư phát triển đã chuyển về Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ tối hậu	14.200.724.749	14.002.609.580
Tổng cộng	14.200.724.749	14.002.609.580



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b. Số dư cuối năm với các bên liên quan

i) Phải thu khách hàng

Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
-	77.000.000
-	97.638
-	77.097.638

ii) Phải trả ngắn hạn khác

Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
49.975.404.508	34.282.778.401
49.975.404.508	34.282.778.401

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026

ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG
Người lập biểu

ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN HỮU DŨNG
Giám đốc

